# TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Kế toán – Accounting  
(Trình độ: Đại học, Mã ngành: 7340301)

## 1. Thông tin chung

* Tên chương trình: Kế toán (Accounting)
* Trình độ đào tạo: Đại học
* Loại hình đào tạo: Chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa
* Thời gian đào tạo: 4 năm (chính quy); 4,5 năm (vừa học vừa làm, từ xa)
* Tổng số tín chỉ: 120 (không kể GDTC, GDQP, Tin học, Ngoại ngữ bổ sung)
* Văn bằng: Cử nhân Kế toán (Bachelor of Business in Accounting)
* Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
* Đơn vị đào tạo: Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế – Luật, ĐHQG-HCM

# 2. Tiêu chí tuyển sinh

- Tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM.  
- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đáp ứng yêu cầu xét tuyển.  
- Hình thức: Xét tuyển theo điểm thi THPT, học bạ, các phương thức ưu tiên xét tuyển hoặc theo đề án riêng của trường.

## 3. Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán theo hướng chuyên nghiệp; có kiến thức – kỹ năng – đạo đức nghề nghiệp; tư duy độc lập và khả năng thích nghi với môi trường thay đổi.

Mục tiêu cụ thể:

* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và chuyên môn trong lĩnh vực kế toán.
* Trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập kế hoạch và tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.
* Nâng cao khả năng sáng tạo, linh hoạt và khả năng chuyển giao của học sinh đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
* Chuẩn bị cho sinh viên một giá trị nghề nghiệp vững chắc, thái độ, đạo đức và phẩm chất cần thiết cho sự phát triển bền vững.
* Đào tạo sinh viên trở thành những người học tập suốt đời, có khả năng học tập ở bậc cao hơn và đáp ứng yêu cầu chứng chỉ nghề nghiệp kế toán.

## 4. Chuẩn đầu ra

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra** | **Mức độ \*** |
| PLO 1. Áp dụng kiến thức cơ bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương để giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội. | **3** |
| PLO 2. Phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh doanh và tài chính. | **4** |
| PLO 3. Phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán. | **4** |
| PLO 4. Thể hiện tư duy phản biện, tư duy logic và xét đoán nghề nghiệp phù hợp trong công việc. | **3** |
| PLO 5. Thể hiện khả năng hợp tác, giao tiếp, tư vấn, thương lượng, giải quyết xung đột hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau. | **3** |
| PLO 6. Thể hiện khả năng tổ chức, lãnh đạo trong học tập và công việc. | **3** |
| PLO 7. Ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong việc tổ chức, quản lý, xử lý công việc kế toán. | **3** |
| PLO 8. Thể hiện tinh thần làm việc độc lập, năng lực tự học rèn luyện và phát triển nghề nghiệp cá nhân suốt đời. | **3** |
| PLO 9. Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp kế toán. | **3** |
| PLO 10. Nhận diện và phân tích được tác động của những hành vi ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của xã hội. | **3** |

* Ngoại ngữ: Đạt bậc 3 (CT dạy chuẩn) hoặc bậc 4 (CT dạy bằng tiếng Anh) theo Khung NLNN châu Âu.
* Tin học: MOS ≥ 2/3 (Excel, Word, PowerPoint).

## 5. Cơ hội nghề nghiệp

* Kế toán viên, kiểm toán viên, tư vấn thuế, tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nhà nước.
* Chuyên viên kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ tại DN, ngân hàng, tổ chức quốc tế.
* Trợ giảng, giảng viên tại các cơ sở đào tạo.
* Học tiếp cao học, nghiên cứu sinh hoặc chứng chỉ quốc tế (ACCA, ICAEW, CPA…).

# 6. Cơ hội học tập nâng cao

- Có thể tiếp tục học cao học ngành Kế toán – Kiểm toán trong và ngoài nước.  
- Được công nhận tín chỉ để học chuyển tiếp hoặc liên thông quốc tế.

## 7. Cấu trúc chương trình (120 tín chỉ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | **Khối lượng**  **(tín chỉ)** | **Ghi chú** |
| **1. Kiến thức giáo dục đại cương** | 34 |  |
| 1.1. Các học phần lý luận chính trị Mác –Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (bắt buộc) | 11 |  |
| 1.2. Các học phần của Trường (bắt buộc) | 15 | Trường quy định bắt buộc |
| 1.3. Các học phần của Trường (tự chọn) | 8 | SV tự chọn từ tổ hợp của Trường |
| **2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | 86 |  |
| 2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (bắt buộc) | 15 |  |
| 2.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành | 8 |  |
| 2.3. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc) | 5 |  |
| 2.4. Kiến thức ngành/chuyên ngành | 50 |  |
| 2.4.1. Các học phần bắt buộc | 38 |  |
| 2.4.2. Các học phần tự chọn | 12 | SV tự chọn 12 TC (4 HP) |
| 2.5. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp /HP chuyên đề | 8 |  |
| **TỔNG SỐ** | **120** | Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. |

# 8. Chiến lược dạy và học

- Lấy người học làm trung tâm, kết hợp bài giảng, nghiên cứu tình huống, học qua dự án, thảo luận nhóm, thực tập thực tế.  
- Khuyến khích khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện và sáng tạo.

# 9. Chiến lược đánh giá

- Đánh giá quá trình: 50% (bài tập, thảo luận, tham gia lớp).  
- Đánh giá cuối kỳ: 50% (thi viết, vấn đáp, dự án, khóa luận).  
- Thang điểm 10 và xếp loại theo thang chữ A–F.

# 10. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành đủ tín chỉ và các học phần bắt buộc.  
- Đạt chuẩn ngoại ngữ, tin học, GDTC, GDQP.  
- Điểm trung bình tích lũy ≥ 5.0.  
- Không bị kỷ luật, hoàn thành nghĩa vụ tài chính.